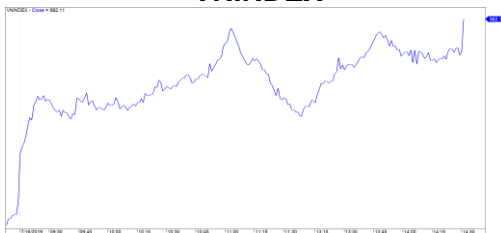


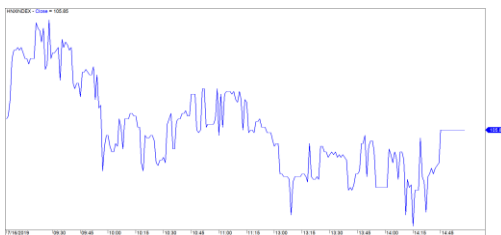
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	982.11	105.85	57.30
% ngày	0.99%	0.23%	1.33%
% tuần	1.35%	0.71%	2.54%
% tháng	2.99%	2.31%	4.11%
% năm	7.79%	2.65%	16.23%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,177	365	278
TB 1 tuần	3,549	398	322
TB 1 tháng	3,782	357	278
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	940.80	5.05	34.22
Bán	484.72	2.51	18.44
Giá trị ròng	456.09	2.54	15.78
Độ rộng TT			
Mã Tăng	147	72	231
Mã Giảm	143	70	108
Không Đổi	98	226	555
Chỉ số chính			
P/E	16.81	9.58	18.51
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,293	193	996
LS Cổ tức	1.68%	3.15%	6.97%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sự hưng phấn tiếp tục duy trì giúp các chỉ số thị trường chung tăng điểm. Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 0.99% dừng tại 982.11 điểm, trong khi chỉ số HNX-Index tăng 0.22% đóng cửa tại 105.85 điểm, chỉ số Upcom-Index tăng 1.333% dừng tại 57.3 điểm. Đáng chú ý dòng tiền tham gia khá tích cực khi đạt hơn 3,900 tỷ đồng trên cả ba sàn mức cao nhất trong vòng khoảng 2 tuần trở lại đây.

Thị trường bay cao hôm nay nhờ mã trụ cột tăng khá mạnh như VCB(2.9%), BID(3.8%), MBB(1.4%), VHM(2.3%), VRE(2.1%), VIC(1.5%). Sắc xanh tiếp tục chiếm ưu thế ở nhóm bluechip với 20 mã tăng và 4 mã giảm trong rổ VN30-Index. Một số cổ phiếu giảm mạnh như PPC(-7%), PTB(-3.7%) có thể đến từ hiệu ứng “tin ra là bán” khi KQKDQ2 được công bố. Nhóm Ngân hàng có sự đồng thuận gia tăng trong khi Bất động sản có phần phân hóa khi HDG, LHG, VRE, QCG, VIC, VHM gia tăng trong khi KDH, NLG, DRH, SCR giảm giá.

Khối ngoại tiếp tục nối dài chuỗi phiên mua ròng với giá trị hơn 474 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, PLX(113 tỷ), VIC(97 tỷ), VCB(88 tỷ) được mua ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, VNM(7 tỷ), KDH(6 tỷ), MSN(5 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ duy trì đà tăng và chỉ số VN-Index có thể sẽ hướng về vùng kháng cự 987 – 990 điểm. Đồng thời, dòng tiền ngắn hạn tiếp tục được cải thiện và chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu Largecaps cho thấy xu hướng ngắn hạn có thể sẽ bền vững hơn. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu giảm cho thấy dòng tiền ngắn hạn đang cơ cấu lại danh mục do ảnh hưởng từ kỳ công bố KQKD quý 2/2019.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 961.71 điểm của chỉ số VN-Index và 104.33 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiến hành cơ cấu lại danh mục và tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để cơ cấu lại danh mục và vẫn nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 55% cổ phiếu/45% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.85	TĂNG	TĂNG	18.60	18.46	1.34%		16.85	16.80	11.87%	
ACB	30.20	TĂNG	GIẢM	29.80	29.26	1.34%			31.45		
ACV	83.20	GIẢM	TĂNG		86.74			90.00	81.77	-7.56%	
ANV	27.50	GIẢM	GIẢM		27.71				30.56		
ASM	6.92	GIẢM	GIẢM		7.18				7.88		
BFC	18.10	GIẢM	GIẢM		18.82				21.52		
BID	34.55	TĂNG	TĂNG	32.65	32.36	5.82%		33.40	31.23	3.44%	
BMP	50.50	TĂNG	TĂNG	44.50	46.67	13.48%		48.30	47.72	4.55%	MUA
BSR	11.90	GIẢM	GIẢM		12.68				14.24		
BVH	86.40	TĂNG	TĂNG	79.00	83.22	9.37%			85.11		
BWE	27.55	TĂNG	TĂNG	25.85	27.13	6.58%		20.00	24.54	37.75%	
CEO	11.00	TĂNG	GIẢM	10.70	10.08	2.80%			11.33		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		22.74				24.05		
CMG	38.40	TĂNG	TĂNG	37.80	36.31	1.59%		23.20	32.95	65.52%	
CMX	23.30	TĂNG	TĂNG	23.75	21.86	-1.89%		5.91	21.62	294.25%	
CSM	14.45	GIẢM	TĂNG		15.22			14.39	14.22	0.41%	
CTD	110.40	TĂNG	GIẢM	102.00	105.23	8.24%			112.01		
CTG	21.70	TĂNG	GIẢM	21.05	20.62	3.09%			22.80		
CTI	23.20	TĂNG	GIẢM	23.80	22.66	-2.52%			25.04		
CTR	32.80	TĂNG	N/A	28.80	30.45	13.89%		-	3.77		
CVT	21.00	TĂNG	TĂNG	19.25	19.50	9.09%		20.35	20.33	3.19%	MUA
DCM	8.02	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-5.65%			8.83		
DGC	30.00	TĂNG	GIẢM	28.50	29.93	5.26%			31.31		
DGW	23.50	TĂNG	TĂNG	21.85	22.29	7.55%			23.12		
DHA	36.60	TĂNG	TĂNG	32.25	34.28	13.49%		29.10	32.44	25.77%	
DHC	43.95	TĂNG	TĂNG	40.90	42.96	7.46%		35.20	39.28	24.86%	
DHG	102.50	TĂNG	GIẢM	108.00	101.56	-5.09%			114.77		
DIG	13.20	GIẢM	GIẢM		13.65				14.64		
DPG	38.00	GIẢM	TĂNG		38.07			40.02	34.78	-5.04%	
DPM	15.35	GIẢM	GIẢM		15.88				17.48		
DPR	43.70	GIẢM	TĂNG		45.48			42.50	40.21	2.82%	
DQC	18.30	TĂNG	GIẢM	18.60	17.61	-1.61%			20.66		
DRC	18.95	TĂNG	GIẢM	19.40	18.58	-2.32%			20.88		
DXG	18.45	TĂNG	GIẢM	19.10	18.15	-3.40%			20.75		
EIB	18.25	TĂNG	TĂNG	17.80	17.77	2.53%		14.70	16.88	24.15%	



We Create Fortune

FCN	14.10	TĂNG	TĂNG	15.50	13.74	-9.03%		16.05	13.65	-12.15%	
FMC	30.45	TĂNG	GIẢM	28.95	29.38	5.18%			30.62		
FPT	47.30	TĂNG	TĂNG	45.20	45.78	4.65%		46.00	43.40	2.83%	
GAS	106.40	GIẢM	GIẢM		106.70				113.06		
GEX	21.55	GIẢM	GIẢM		22.07				23.64		
GIL	26.65	TĂNG	GIẢM	27.30	25.94	-2.38%			29.54		
GMD	27.30	TĂNG	GIẢM	27.10	26.47	0.74%			27.99		
GTN	18.20	GIẢM	TĂNG		19.26			15.00	16.37	21.33%	
GVR	13.80	TĂNG	GIẢM	13.50	12.63	2.22%			N/A		
HAG	5.31	GIẢM	GIẢM	5.15	5.39	4.69%	BÁN		5.62		
HAX	19.80	TĂNG	TĂNG	14.25	18.11	38.95%		15.75	13.98	25.71%	
HBC	14.80	GIẢM	GIẢM		15.58				17.59		
HCM	23.25	GIẢM	GIẢM	24.00	23.69	-1.31%	BÁN		26.60		
HDB	26.05	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.62%			28.77		
HDC	14.90	TĂNG	TĂNG	15.25	14.73	-2.30%		15.25	13.30	-2.30%	
HDG	35.50	TĂNG	TĂNG	32.70	33.48	8.56%			34.59		
HNG	18.10	TĂNG	TĂNG	15.75	17.91	14.92%		17.10	15.77	5.85%	
HPG	21.60	GIẢM	GIẢM		22.55				25.44		
HSG	7.63	TĂNG	TĂNG	7.63	7.59	0.00%	MUA	9.30	7.01	-17.96%	
HT1	15.80	GIẢM	TĂNG		16.32			14.80	15.47	6.76%	
HUT	2.60	GIẢM	GIẢM		2.67				3.13		
HVN	42.10	GIẢM	TĂNG	43.70	42.49	-2.76%	BÁN	39.00	38.27	7.95%	
KBC	14.70	TĂNG	TĂNG	14.30	14.35	2.80%		15.35	13.00	-4.23%	
KDH	22.10	GIẢM	GIẢM		23.27				24.76		
KSB	21.70	GIẢM	GIẢM		22.77				25.36		
LCG	10.75	TĂNG	GIẢM	10.45	10.14	2.87%			11.44		
LDG	8.19	TĂNG	GIẢM	8.63	8.15	-5.10%			9.75		
LHG	19.80	TĂNG	TĂNG	19.70	18.89	0.51%		19.30	17.02	2.59%	
LPB	7.90	TĂNG	GIẢM	8.10	7.82	-2.47%			8.51		
LSS	5.17	GIẢM	GIẢM		5.58				5.91		
MBB	21.75	TĂNG	TĂNG	21.30	20.91	2.11%		21.85	20.11	-0.46%	
MPC	35.20	GIẢM	GIẢM		35.33				40.54		
MSN	80.40	GIẢM	GIẢM		83.93			89.00	80.74	-9.28%	
MSR	18.20	GIẢM	GIẢM		19.28				20.71		
MWG	102.20	TĂNG	TĂNG	88.30	96.27	15.74%		88.70	88.19	15.22%	
NDN	17.30	TĂNG	TĂNG	14.10	15.74	22.70%		13.70	14.40	26.28%	
NKG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.49				7.23		
NLG	29.10	GIẢM	TĂNG		29.84			28.70	27.83	1.39%	
NT2	26.65	GIẢM	GIẢM		27.36				29.14		

We Create Fortune

NTL	25.60	TĂNG	TĂNG	22.95	24.42	11.55%		10.45	21.18	144.98%	
NVL	60.40	TĂNG	GIẢM	59.90	59.03	0.83%			62.33		
OIL	11.50	GIẢM	GIẢM		11.71				13.02		
PAC	34.45	GIẢM	GIẢM		35.64				38.86		
PC1	18.30	GIẢM	GIẢM		19.31				20.50		
PDR	26.00	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	7.88%		29.00	24.36	-10.34%	
PHR	61.90	TĂNG	TĂNG	61.20	57.70	1.14%		24.00	52.19	157.92%	
PLX	64.30	TĂNG	TĂNG	64.20	62.81	0.16%		62.40	58.43	3.04%	
PNJ	74.70	GIẢM	TĂNG		75.30			104.00	72.83	-28.17%	
POW	14.60	GIẢM	TĂNG		15.26			15.70	13.92	-7.01%	
PVT	17.40	TĂNG	GIẢM	16.80	16.89	3.57%			17.62		
PPC	29.10	GIẢM	TĂNG	28.75	30.05	4.52%	BÁN	19.70	26.56	47.72%	
PTB	68.50	GIẢM	TĂNG	66.60	68.68	3.12%	BÁN	64.00	63.98	7.03%	
PVB	19.20	GIẢM	TĂNG		19.45			20.10	16.79	-4.48%	
PVD	18.65	TĂNG	TĂNG	19.20	18.21	-2.86%		18.50	17.78	0.81%	
PVI	37.60	TĂNG	GIẢM	37.40	35.95	0.53%			39.70		
PVS	24.10	TĂNG	TĂNG	23.00	23.22	4.78%		21.10	21.47	14.22%	
PXS	5.40	TĂNG	TĂNG	5.09	5.18	6.09%		4.85	4.26	11.34%	
QNS	31.40	TĂNG	TĂNG	33.80	29.83	-7.10%		33.80	27.66	-7.10%	
REE	33.65	TĂNG	TĂNG	33.05	32.92	1.82%		33.33	31.11	0.97%	
SAB	285.00	TĂNG	TĂNG	253.00	277.11	12.65%		245.00	252.84	16.33%	
SAM	8.20	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-0.61%		7.40	7.69	10.81%	
SCR	7.13	GIẢM	GIẢM		7.29				7.61		
SHI	8.69	TĂNG	TĂNG	8.39	7.59	3.58%		6.99	7.45	24.32%	
SJS	18.70	GIẢM	GIẢM		20.06			-	19.93		
SKG	11.90	GIẢM	GIẢM		12.40				12.61		
SSI	25.00	TĂNG	GIẢM	25.35	24.68	-1.38%			26.98		
STB	11.40	GIẢM	GIẢM		11.71				12.41		
TCB	21.20	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-0.93%			22.88		
TCM	27.20	GIẢM	GIẢM		28.14				30.59		
TDH	9.48	GIẢM	TĂNG		9.95			11.65	9.17	-18.63%	
TLH	5.00	GIẢM	TĂNG		5.09			5.39	4.80	-7.24%	
TNG	21.30	TĂNG	TĂNG	19.70	20.48	8.12%		12.00	18.79	77.50%	
VCB	77.20	TĂNG	TĂNG	69.20	71.33	11.56%		62.00	64.87	24.52%	
VCG	26.30	GIẢM	TĂNG		27.05			19.20	24.08	36.98%	
VCS	76.80	TĂNG	TĂNG	61.20	70.18	25.49%		68.00	55.40	12.94%	
VGC	21.40	TĂNG	GIẢM	21.50	20.72	-0.47%			21.65		
VGT	10.40	GIẢM	GIẢM		10.84				12.16		
VHC	89.10	TĂNG	GIẢM	89.50	86.53	-0.45%			95.80		

We Create Fortune

VHM	83.90	TĂNG	GIẢM	81.00	81.13	3.58%		87.75			
VIB	18.50	TĂNG	TĂNG	17.00	17.10	8.82%		17.70	17.44	4.52%	MUA
VIC	115.90	GIẢM	TĂNG		117.69			112.00	108.25	3.48%	
VIP	5.78	TĂNG	GIẢM	5.77	5.60	0.17%			5.95		
VJC	131.00	TĂNG	TĂNG	123.30	127.55	6.24%		124.50	118.61	5.22%	
VND	15.10	GIẢM	GIẢM		15.50				16.95		
VNG	22.05	TĂNG	TĂNG	20.60	21.74	7.04%		21.50	20.38	2.56%	
VNM	124.00	GIẢM	GIẢM		126.17				133.60		
VPB	19.70	TĂNG	GIẢM	18.60	18.98	5.91%			19.82		
VPI	41.65	TĂNG	GIẢM	41.75	41.37	-0.24%			42.86		
VRC	15.70	GIẢM	GIẢM		16.09				17.30		
VRE	37.00	TĂNG	TĂNG	35.75	35.05	3.50%		35.00	31.18	5.71%	
VSC	32.00	TĂNG	GIẢM	31.90	30.81	0.31%			34.25		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	30.20	TĂNG	GIẢM	29.80	29.26	1.34%			31.45		
BID	34.55	TĂNG	TĂNG	32.65	32.36	5.82%		33.40	31.23	3.44%	
BSR	11.90	GIẢM	GIẢM		12.68				14.24		
BVH	86.40	TĂNG	TĂNG	79.00	83.22	9.37%			85.11		
CTG	21.70	TĂNG	GIẢM	21.05	20.62	3.09%			22.80		
EIB	18.25	TĂNG	TĂNG	17.80	17.77	2.53%		14.70	16.88	24.15%	
FPT	47.30	TĂNG	TĂNG	45.20	45.78	4.65%		41.00	43.40	15.37%	
GAS	106.40	GIẢM	GIẢM		106.70				113.06		
HDB	26.05	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.62%			28.77		
HNG	18.10	TĂNG	TĂNG	15.75	17.91	14.92%		17.10	15.77	5.85%	
HPG	21.60	GIẢM	GIẢM		22.55				25.44		
HVN	42.10	GIẢM	TĂNG	43.70	42.49	-2.76%	BÁN	39.00	38.27	7.95%	
KDH	22.10	GIẢM	GIẢM		23.27				24.76		
MBB	21.75	TĂNG	TĂNG	21.30	20.91	2.11%		21.27	20.11	2.25%	
MSN	80.40	GIẢM	GIẢM		83.93			89.00	80.74	-9.28%	
MWG	102.20	TĂNG	TĂNG	88.30	96.27	15.74%		88.70	88.19	15.22%	
NVL	60.40	TĂNG	GIẢM	59.90	59.03	0.83%			62.33		
OIL	11.50	GIẢM	GIẢM		11.71				13.02		
PLX	64.30	TĂNG	N/A	64.20	62.81	0.16%		62.40	58.43	3.04%	
PNJ	74.70	GIẢM	TĂNG		75.30			77.88	72.83	-4.08%	

We Create Fortune

POW	14.60	GIẢM	TĂNG		15.26			15.70	13.92	-7.01%	
PVS	24.10	TĂNG	TĂNG	23.00	23.22	4.78%		21.10	21.47	14.22%	
QNS	31.40	TĂNG	TĂNG	33.80	29.83	-7.10%		33.80	27.66	-7.10%	
REE	33.65	TĂNG	TĂNG	33.05	32.92	1.82%		33.33	31.11	0.97%	
ROS	28.60	GIẢM	TĂNG		29.25			34.80	27.33	-17.82%	
SSI	25.00	TĂNG	GIẢM	25.35	24.68	-1.38%			26.98		
STB	11.40	GIẢM	GIẢM		11.71				12.41		
TCB	21.20	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-0.93%			22.88		
TPB	23.30	GIẢM	GIẢM		23.64				N/A		
VCB	77.20	TĂNG	TĂNG	69.20	71.33	11.56%		62.00	64.87	24.52%	
VCG	26.30	GIẢM	TĂNG		27.05			18.44	24.08	42.62%	
VEA	62.00	TĂNG	GIẢM	62.10	58.02	-0.16%			N/A		
VGI	29.30	TĂNG	GIẢM	29.50	26.73	-0.68%			N/A		
VHM	83.90	TĂNG	GIẢM	81.00	81.13	3.58%			87.75		
VIB	18.50	TĂNG	TĂNG	17.00	17.10	8.82%		17.70	17.44	4.52%	MUA
VIC	115.90	GIẢM	TĂNG		117.69			112.00	108.25	3.48%	
VJC	131.00	TĂNG	TĂNG	123.30	127.55	6.24%		124.50	118.61	5.22%	
VNM	124.00	GIẢM	GIẢM		126.17				133.60		
VPB	19.70	TĂNG	GIẢM	18.60	18.98	5.91%			19.82		
VRE	37.00	TĂNG	TĂNG	35.75	35.05	3.50%		34.00	31.18	8.84%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.85	TĂNG	TĂNG	18.60	18.46	1.34%		16.85	16.80	11.87%	
ANV	27.50	GIẢM	GIẢM		27.71				30.56		
ASM	6.92	GIẢM	GIẢM		7.18				7.88		
BMP	50.50	TĂNG	TĂNG	44.50	46.67	13.48%		48.30	47.72	4.55%	MUA
BWE	27.55	TĂNG	TĂNG	25.85	27.13	6.58%		19.44	24.54	41.72%	
C4G	8.60	GIẢM	#N/A		9.01			-	#N/A		
CEO	11.00	TĂNG	GIẢM	10.70	10.08	2.80%			11.33		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		22.74				24.05		
CRE	25.00	TĂNG	#N/A	25.90	24.58	-3.47%		-	#N/A		
CTI	23.20	TĂNG	GIẢM	23.80	22.66	-2.52%			25.04		
CTR	32.80	TĂNG	#N/A	28.80	30.45	13.89%		-	#N/A		
DCM	8.02	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-5.65%			8.83		
DHC	43.95	TĂNG	TĂNG	40.90	42.96	7.46%		35.20	39.28	24.86%	

We Create Fortune

DIG	13.20	GIẢM	GIẢM		13.65				14.64		
DPM	15.35	GIẢM	GIẢM		15.88				17.48		
DRC	18.95	TĂNG	GIẢM	19.40	18.58	-2.32%			20.88		
DXG	18.45	TĂNG	GIẢM	19.10	18.15	-3.40%			20.75		
E1VFN30	14.56	TĂNG	GIẢM	14.59	14.26	-0.21%			15.16		
FCN	14.10	TĂNG	TĂNG	15.50	13.74	-9.03%		16.05	13.65	-12.15%	
FLC	4.26	TĂNG	GIẢM	4.40	4.23	-3.18%			4.63		
FTM	24.80	GIẢM	TĂNG		25.16			16.25	21.48	52.62%	
GEG	22.50	TĂNG	TĂNG	22.80	21.46	-1.32%		12.90	20.50	74.42%	
GEX	21.55	GIẢM	GIẢM		22.07				23.64		
GMD	27.30	TĂNG	GIẢM	27.10	26.47	0.74%			27.99		
GTN	18.20	GIẢM	TĂNG		19.26			15.00	16.37	21.33%	
GVR	13.80	TĂNG	#N/A	13.50	12.63	2.22%		-	#N/A		
HAG	5.31	GIẢM	GIẢM	5.15	5.39	4.69%	BÁN		5.62		
HBC	14.80	GIẢM	GIẢM		15.58				17.59		
HCM	23.25	GIẢM	GIẢM	24.00	23.69	-1.31%	BÁN		26.60		
HDG	35.50	TĂNG	TĂNG	32.70	33.48	8.56%			34.59		
HPX	26.50	TĂNG	#N/A	26.60	25.28	-0.38%		-	#N/A		
HSG	7.63	TĂNG	TĂNG	7.63	7.59	0.00%	MUA	8.45	7.01	-9.73%	
HT1	15.80	GIẢM	TĂNG		16.32			14.80	15.47	6.76%	
IBC	21.70	TĂNG	TĂNG	20.90	21.18	3.83%		24.90	20.15	-12.85%	
IDI	7.22	GIẢM	GIẢM	7.48	7.24	-3.16%	BÁN		8.42		
IJC	10.95	TĂNG	GIẢM	11.15	10.71	-1.79%			11.50		
ITA	3.16	GIẢM	TĂNG		3.19			3.20	2.75	-1.25%	
KBC	14.70	TĂNG	TĂNG	14.30	14.35	2.80%		15.35	13.00	-4.23%	
KSB	21.70	GIẢM	GIẢM		22.77				25.36		
LDG	8.19	TĂNG	GIẢM	8.63	8.15	-5.10%			9.75		
LPB	7.90	TĂNG	GIẢM	8.10	7.82	-2.47%			8.51		
MBS	14.60	GIẢM	#N/A		14.89			16.00	#N/A	#N/A	
MPC	35.20	GIẢM	GIẢM		35.33				40.54		
NBB	21.90	TĂNG	TĂNG	22.00	21.14	-0.45%		21.50	18.83	1.86%	
NKG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.49				7.23		
NLG	29.10	GIẢM	TĂNG		29.84			28.70	27.83	1.39%	
NT2	26.65	GIẢM	GIẢM		27.36				29.14		
NTC	177.80	TĂNG	#N/A	144.00	167.52	23.47%		120.00	#N/A	#N/A	
NTL	25.60	TĂNG	TĂNG	22.95	24.42	11.55%		9.33	21.18	174.35%	
NVB	8.00	GIẢM	GIẢM		8.44				9.18		
OGC	3.98	GIẢM	GIẢM		4.15				4.79		

We Create Fortune

PC1	18.30	GIẢM	GIẢM		19.31				20.50		
PDR	26.00	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	7.88%		23.60	24.36	10.19%	
PHR	61.90	TĂNG	TĂNG	61.20	57.70	1.14%		22.86	52.19	170.73%	
PPC	29.10	GIẢM	TĂNG	28.75	30.05	4.52%	BÁN	17.42	26.56	67.03%	
PTB	68.50	GIẢM	TĂNG	66.60	68.68	3.12%	BÁN	60.78	63.98	12.70%	
PVD	18.65	TĂNG	TĂNG	19.20	18.21	-2.86%		18.50	17.78	0.81%	
PVI	37.60	TĂNG	GIẢM	37.40	35.95	0.53%			39.70		
PVT	17.40	TĂNG	GIẢM	16.80	16.89	3.57%			17.62		
QCG	4.60	GIẢM	GIẢM		4.61				5.54		
SAM	8.20	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-0.61%		7.40	7.69	10.81%	
SBT	17.00	GIẢM	GIẢM		17.18				18.08		
SCR	7.13	GIẢM	GIẢM		7.29				7.61		
SHB	6.70	GIẢM	GIẢM		7.07				7.47		
SHS	9.80	GIẢM	TĂNG		10.12			12.10	9.22	-19.01%	
SJS	18.70	GIẢM	GIẢM		20.06			-	19.93		
STK	24.00	TĂNG	TĂNG	24.20	23.65	-0.83%		17.00	20.75	41.18%	
SZC	21.70	TĂNG	#N/A	20.45	21.23	6.11%		-	#N/A		
TCH	21.60	TĂNG	GIẢM	21.15	20.85	2.13%			22.45		
TCM	27.20	GIẢM	GIẢM		28.14				30.59		
TNG	21.30	TĂNG	TĂNG	19.70	20.48	8.12%		12.00	18.79	77.50%	
TTB	22.85	TĂNG	GIẢM	22.60	22.36	1.11%			24.16		
VCI	33.50	TĂNG	GIẢM	32.30	31.59	3.72%			35.72		
VGT	10.40	GIẢM	GIẢM		10.84			-	12.16		
VHC	89.10	TĂNG	GIẢM	89.50	86.53	-0.45%			95.80		
VND	15.10	GIẢM	GIẢM		15.50				16.95		
VNG	22.05	TĂNG	TĂNG	20.60	21.74	7.04%		21.50	20.38	2.56%	
VPI	41.65	TĂNG	GIẢM	41.75	41.37	-0.24%			42.86		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.40	TĂNG	#N/A	9.40	9.33	0.00%	MUA	16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.20	TĂNG	TĂNG	3.89	4.12	7.97%		3.99	3.56	5.26%	
AMD	1.83	GIẢM	GIẢM		1.87				2.08		
APG	9.15	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	7.65%		9.90	7.90	-7.58%	
ART	2.50	GIẢM	GIẢM		2.68				3.16		
BCC	8.90	TĂNG	TĂNG	8.50	8.32	4.71%		7.70	7.66	15.58%	

We Create Fortune

BCG	5.64	TĂNG	TĂNG	5.90	5.61	-4.41%		6.39	5.41	-11.74%	
C69	17.00	TĂNG	TĂNG	8.80	16.02	93.18%		5.30	13.87	220.75%	
CCL	5.72	GIẢM	TĂNG		6.01			3.46	4.89	65.32%	
CRC	14.70	GIẢM	GIẢM		15.05				17.35		
CVT	21.00	TĂNG	TĂNG	19.25	19.50	9.09%		20.35	20.33	3.19%	MUA
DAG	6.84	TĂNG	GIẢM	6.55	6.59	4.43%			7.01		
DAH	13.20	TĂNG	TĂNG	9.12	11.22	44.74%		4.66	7.67	183.01%	
DGW	23.50	TĂNG	TĂNG	21.85	22.29	7.55%			23.12		
DLG	1.55	TĂNG	GIẢM	1.56	1.51	-0.64%			1.65		
DRH	6.92	GIẢM	GIẢM		7.59				7.76		
DTD	14.30	TĂNG	TĂNG	15.00	13.35	-4.67%		12.90	10.39	10.85%	
EVG	2.82	TĂNG	GIẢM	2.87	2.77	-1.74%			3.02		
FIT	3.30	GIẢM	TĂNG	3.28	3.45	5.26%	BÁN	3.64	2.85	-9.34%	
GKM	15.40	GIẢM	TĂNG		15.53			11.42	14.95	34.80%	
HAH	13.25	TĂNG	TĂNG	12.80	12.50	3.52%		13.00	12.67	1.92%	MUA
HAI	1.84	TĂNG	GIẢM	1.87	1.75	-1.60%			1.93		
HAP	3.52	GIẢM	TĂNG		3.75			3.67	3.25	-4.09%	
HAR	3.96	GIẢM	TĂNG		4.20			3.71	3.65	6.74%	
HCD	3.83	TĂNG	GIẢM	3.79	3.61	1.06%			4.34		
HDA	11.90	TĂNG	TĂNG	10.50	11.26	13.33%		11.30	9.73	5.31%	
HDC	14.90	TĂNG	TĂNG	15.25	14.73	-2.30%		15.25	13.30	-2.30%	
HHP	13.00	GIẢM	#N/A		15.59			-	#N/A		
HHS	3.47	TĂNG	GIẢM	3.50	3.35	-0.86%			3.69		
HII	11.80	GIẢM	GIẢM		12.43				13.48		
HQC	1.39	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-2.80%			1.50		
HSL	7.98	GIẢM	GIẢM		8.17				9.90		
HUT	2.60	GIẢM	GIẢM		2.67				3.13		
HVG	3.40	TĂNG	GIẢM	3.33	3.29	2.10%			4.67		
HVH	27.65	TĂNG	#N/A	26.15	26.71	5.74%		-	#N/A		
JVC	2.89	GIẢM	GIẢM		2.97				3.26		
KLF	1.40	GIẢM	GIẢM		1.61				1.79		
KMR	2.90	GIẢM	TĂNG		3.11			3.68	2.65	-21.20%	
LCG	10.75	TĂNG	GIẢM	10.45	10.14	2.87%			11.44		
LGL	10.00	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	40.59%	
LHG	19.80	TĂNG	TĂNG	19.70	18.89	0.51%		19.30	17.02	2.59%	
LMH	16.20	GIẢM	#N/A		16.82			-	#N/A		
MST	2.90	GIẢM	GIẢM		3.13				3.73		
NDN	17.30	TĂNG	TĂNG	14.10	15.74	22.70%		13.10	14.40	32.02%	
PHC	13.10	TĂNG	TĂNG	13.40	12.98	-2.24%		14.45	12.65	-9.34%	



We Create Fortune

PVB	19.20	GIẢM	TĂNG		19.45			20.10	16.79	-4.48%	
PVC	7.70	TĂNG	TĂNG	7.80	7.55	-1.28%		7.10	6.20	8.45%	
PXL	5.50	GIẢM	GIẢM		6.11				7.60		
PXS	5.40	TĂNG	TĂNG	5.09	5.18	6.09%		4.85	4.26	11.34%	
QBS	3.09	TĂNG	GIẢM	3.03	3.07	1.98%			3.36		
SFG	10.45	GIẢM	GIẢM		12.02				15.78		
SHI	8.69	TĂNG	TĂNG	8.39	7.59	3.58%		6.23	7.45	39.43%	
SJF	3.18	GIẢM	GIẢM		3.90				3.88		
SKG	11.90	GIẢM	GIẢM		12.40				12.61		
TDH	9.48	GIẢM	TĂNG		9.95			11.65	9.17	-18.63%	
TIG	3.30	GIẢM	TĂNG		3.49			3.20	3.03	3.12%	
TLD	5.35	GIẢM	GIẢM		5.51				6.13		
TLH	5.00	GIẢM	TĂNG		5.09			5.85	4.80	-14.53%	
TNI	10.30	GIẢM	TĂNG		10.83			12.15	10.21	-15.23%	BÁN
TTF	3.19	GIẢM	TĂNG		3.40			3.99	3.03	-20.05%	
TTH	3.90	GIẢM	GIẢM		4.12				4.71		
TVB	17.10	TĂNG	GIẢM	17.40	16.14	-1.72%			19.92		
TVC	13.10	TĂNG	GIẢM	12.50	12.34	4.80%			13.71		
VC3	23.00	TĂNG	TĂNG	23.10	22.86	-0.43%		22.00	21.35	4.55%	
VCR	21.30	GIẢM	GIẢM		25.06			3.90	24.11	518.31%	BÁN
VNE	4.00	GIẢM	TĂNG		4.33			4.65	3.96	-13.98%	
VPG	21.80	GIẢM	TĂNG		22.61			20.46	19.34	6.57%	
VRC	15.70	GIẢM	GIẢM		16.09				17.30		
YBM	10.05	GIẢM	GIẢM		10.65				12.24		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	982.11	0.99%
VN30	880.91	0.82%
VN Mid	969.25	-0.36%
VN Small	824.49	-0.31%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	105.85	0.23%
HN30	195.3	0.59%
VNX AllSh	857.02	0.71%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	57.3	1.33%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	940.8	
Bán	484.72	
GT rỗng	456.09	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	5.05	
Bán	2.51	
GT rỗng	2.54	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	34.22	
Bán	18.44	
GT rỗng	15.78	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PAN	2050	6.97%
CNG	950	4.03%
BID	1250	3.75%
HDG	1150	3.35%
BHN	3000	3.19%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CEO	400	3.77%
NDN	600	3.59%
VCS	2500	3.36%
BCC	200	2.30%
SHS	200	2.08%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BSQ	2400	10.62%
ABI	1000	3.77%
SDI	2600	3.48%
GVR	400	2.99%
VTP	3600	2.60%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SRC	-1400	-6.90%
PPC	-2150	-6.88%
FIT	-200	-5.71%
HVN	-1650	-3.77%
HNG	-700	-3.72%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	-4900	-8.35%
DGC	-800	-2.60%
VCR	-500	-2.29%
NVB	-100	-1.23%
TNG	-200	-0.93%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SIP	-1800	-2.00%
NTC	-3100	-1.71%
BSR	-200	-1.65%
QTP	-200	-1.61%
HND	-200	-1.33%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	391,699	
VCB	278,166	
VHM	274,660	
VNM	214,539	
GAS	202,879	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,415	
VCS	11,650	
VCG	11,573	
PVS	11,376	
PVI	8,620	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	180,990	
VGI	88,538	
VEA	81,599	
MCH	58,272	
GVR	53,444	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	16,309,450	12,162,532
HNG	7,621,810	2,761,025
CTG	6,521,320	3,505,392
HAG	5,758,480	4,712,233
FLC	5,241,210	3,535,196

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	2,837,141	4,042,530
PVS	2,227,568	2,871,324
NVB	1,707,300	579,739
NDN	1,614,056	1,150,939
CEO	1,496,930	402,055

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
GVR	2,060,910	915,969
BSR	1,261,811	1,069,937
IPA	1,107,550	50,652
LPB	993,512	377,187
VIB	698,955	466,381

Nguồn: Bloomberg & YSVN

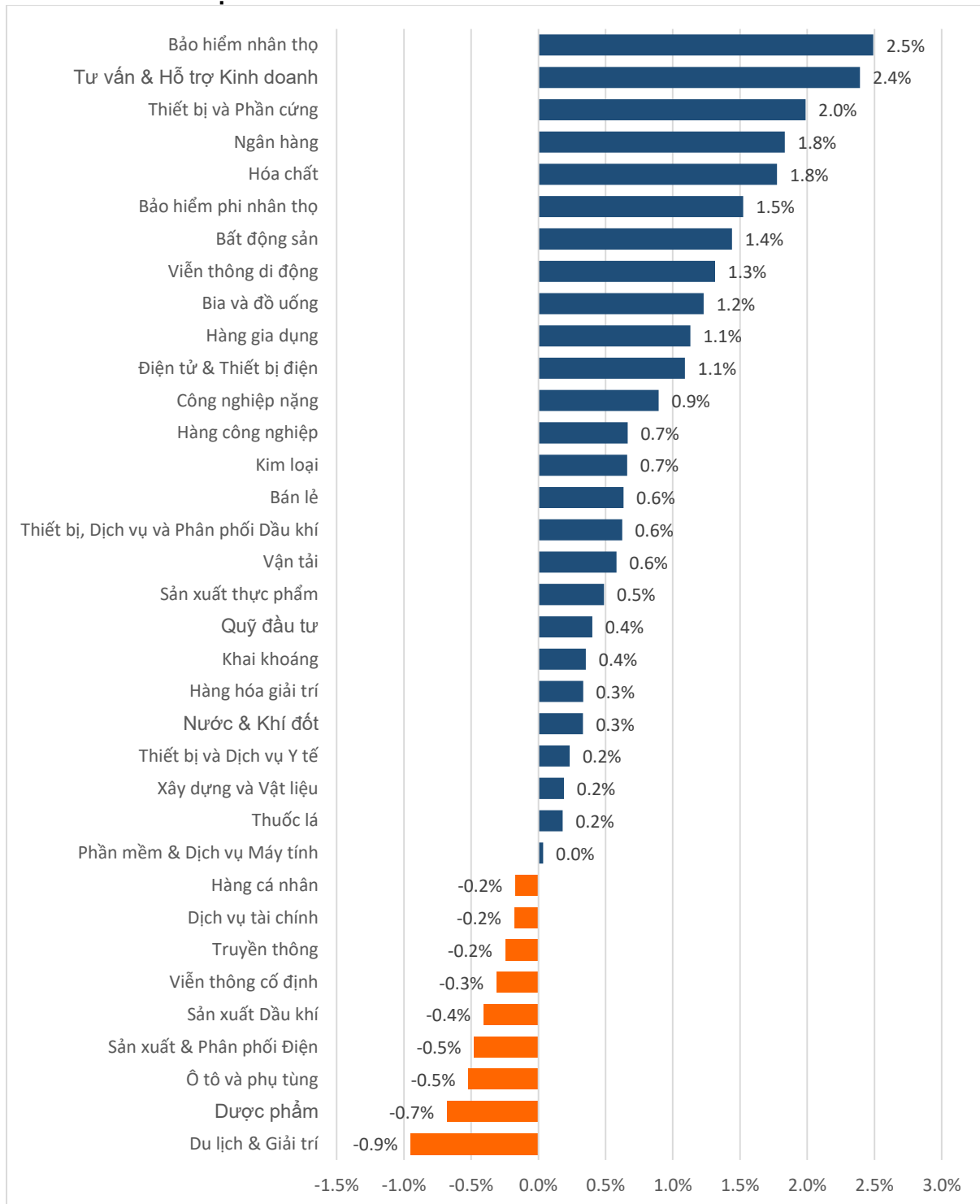
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



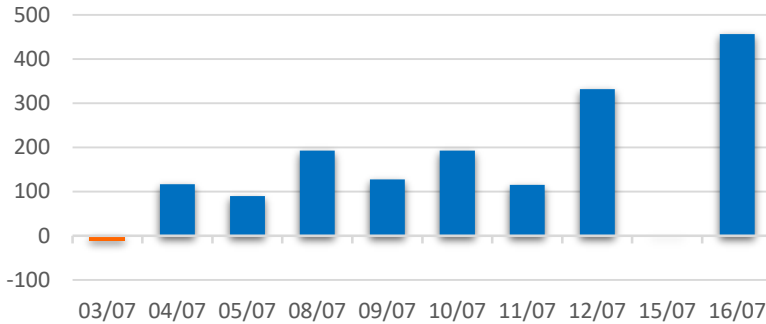
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

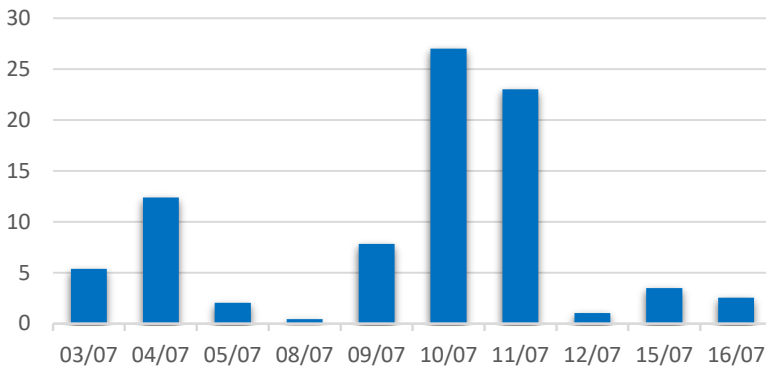
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PLX	112,731	VNM	6,874
VIC	97,136	KDH	6,307
VCB	87,719	MSN	4,638
BID	40,211	DIG	2,132
NVL	30,706	DXG	1,718

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

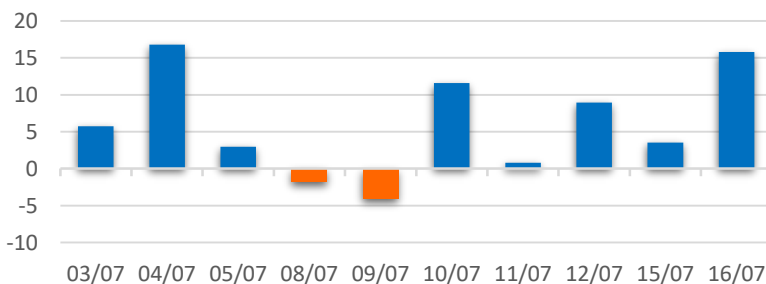
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	1,363	NTP	1,080
TNG	1,356	VGS	590
PVI	1,158	HHP	219
TIG	330	PTI	93
IDV	214	INN	89

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	6,739	HND	1,301
VEA	3,282	BSR	1,026
LPB	3,160	ACV	287
QNS	2,212	WSB	95
ABI	1,158	HUG	51

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



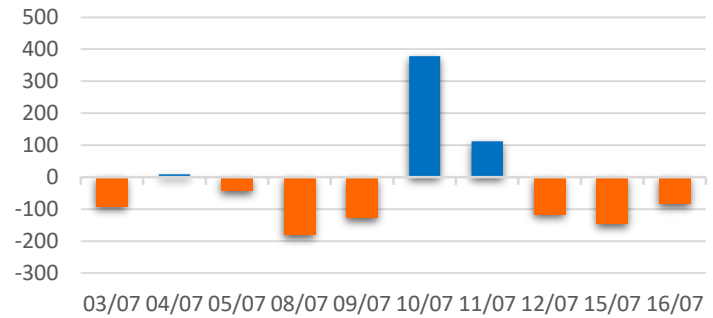
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

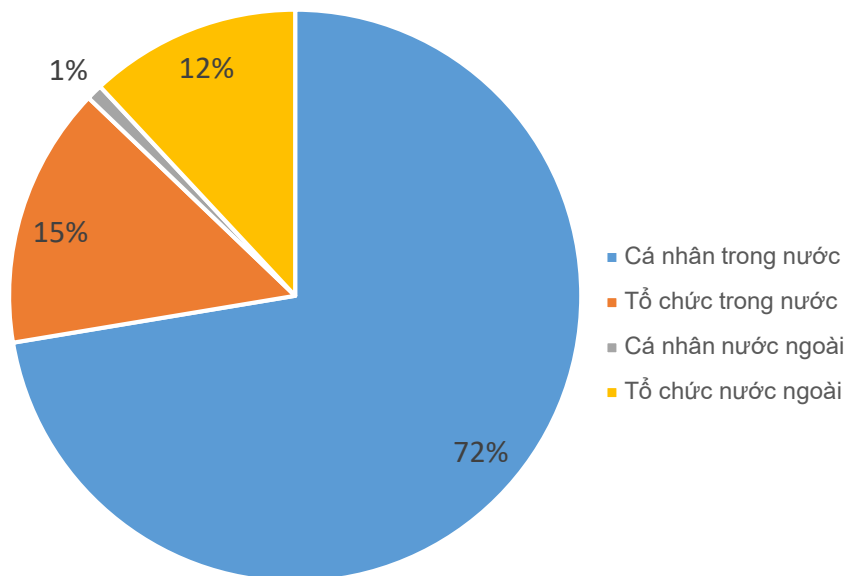
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MSN	207,602	KBC	45,982
VHM	13,882	MBB	23,826
MWG	10,186	MWG	18,303
VIC	6,643	VIC	13,250
VGC	5,573	VHM	11,369

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

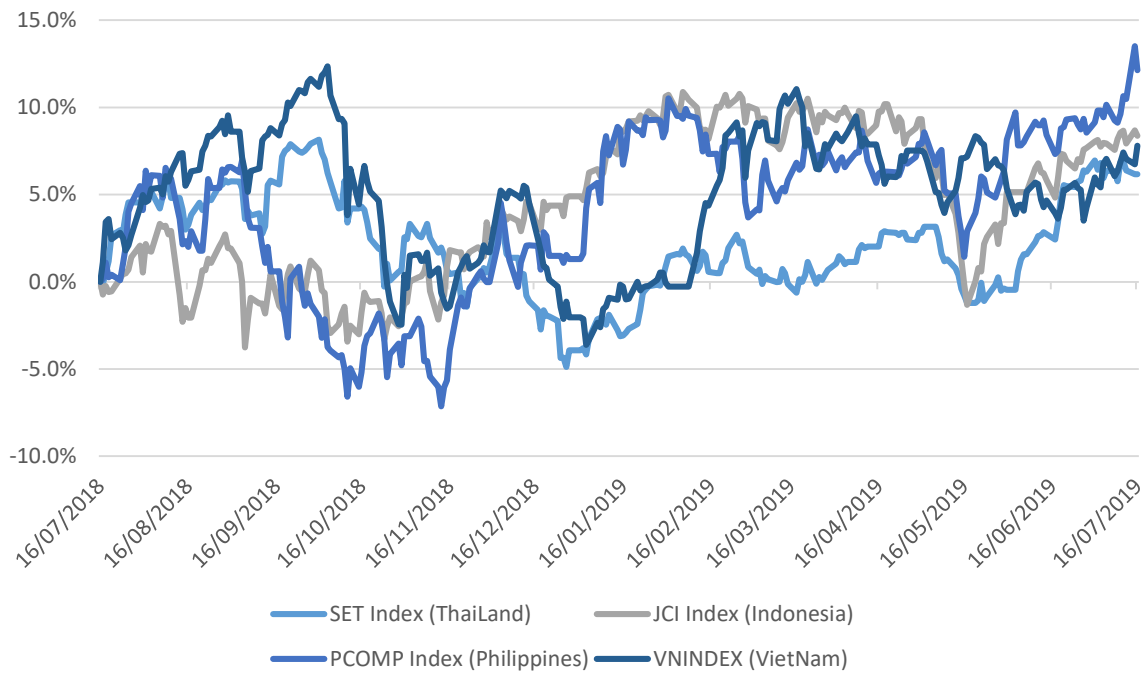


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

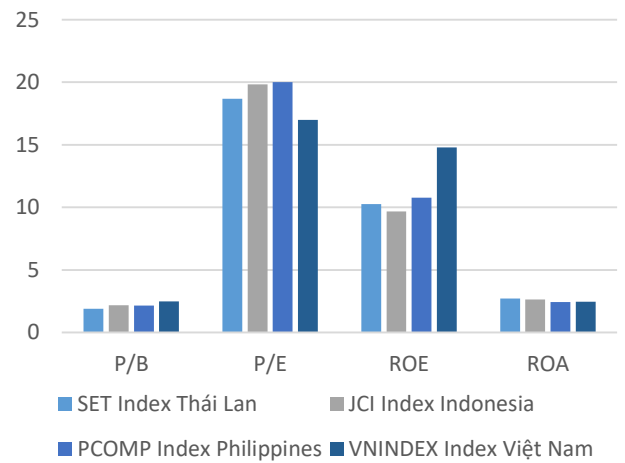
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.2x	2.2x	2.5x
P/E		18.7x	19.8x	20.0x	17.0x
ROE	%	10.25	9.67	10.78	14.78
ROA	%	2.72	2.64	2.43	2.46
Vốn hóa	Tỷ USD	573.07	529.74	206.25	141.17
GTGD	Triệu USD	1.39	0.52	0.13	0.12
LS cổ tức	%	2.98	2.43	1.59	1.73

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3830

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written